

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà C, tổ C, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Vũ Đình D, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ nơi ở: Số nhà C, tổ C, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ A, khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Đình D tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2020. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra xung đột, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng bà đã sống ly thân nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đình D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên là: Vũ Thành A, sinh ngày 05/10/2021. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Vũ Thành A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên, sau khi ông D làm việc tại Tòa án có ý kiến đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Thành A cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; nên bà T đồng ý giao cháu A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Vũ Đình D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, ông thống nhất với trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì giữa ông và bà T có xảy ra cãi vã, do có những lúc bất đồng quan điểm sống, ông không kiềm chế được nên có lúc nói nặng lời với bà T, nhưng ông chưa đánh đập bà T lần nào. Từ tháng 02/2025 thì vợ chồng ông sống ly thân, do trước Tết âm lịch vợ chồng có xảy ra xung đột, cãi vã. Bà T hiện nay sống tại nhà bố mẹ ruột tại tổ C khu phố E, thị trấn V, còn ông có thuê 01 kiot làm việc, kinh doanh buôn bán mặt hàng điện tử tại tổ A, khu phố A, thị trấn V, huyện V; ông vẫn về sinh sống, cư trú tại nhà bố mẹ vợ tại số nhà C, tổ C, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Ông đã sinh sống, cư trú tại nhà bố mẹ vợ từ hơn một năm nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông chưa qua chính quyền địa phương hòa giải, vì theo ông thấy chưa có gì trầm trọng để yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng ông vẫn chưa tìm được tiếng nói chung nên bà T gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là: Vũ Thành A, sinh ngày 05/10/2021. Nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu giao con chung là cháu Vũ Thành A cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Các đương sự đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung: ghi nhận ý kiến thống nhất của các đương sự về việc giao cháu Vũ Thành A, sinh ngày 05/10/2021 cho ông Vũ Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra

xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Mai T khởi kiện ông Vũ Đình D yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Số nhà C, tổ C, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ nơi làm việc tại: Tổ A, khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Tại phiên tòa, bà T và ông D đều vắng mặt. Bà T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Mai T và ông Vũ Đình D chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2020, ngày 26/11/2020. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của bà T xác định quá trình chung sống, bà và ông D có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau, hôn nhân không có hạnh phúc; nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D xác định ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, do có những lúc bất đồng quan điểm sống, ông không kiềm chế được nên có lúc nói nặng lời với bà T. Từ tháng 02/2025, thì ông và bà T đã sống ly thân. Gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng chưa tìm được tiếng nói chung nên bà T gửi đơn ly hôn đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông D tại chính quyền địa phương nơi bà T và ông D cư trú, chung sống, xác định quá trình chung sống giữa bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nên bà T làm đơn ly hôn đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp hòa giải cho bà T và ông D nhưng bà T và ông D không đến Tòa án để hòa giải, quá trình giải quyết vụ án bà T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Cho thấy cả bà T và ông D không có thiện chí để hòa giải hàn gắn hôn nhân.

Bà T và ông D đã sống ly thân, không còn có sự chăm sóc lẫn nhau. Ông D không đồng ý ly hôn nhưng quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân và

quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông cũng không có phương án nào để có thể hòa giải, hàn gắn hôn nhân giữa ông với bà T, trong khi bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên là Vũ Thành A, sinh ngày 05/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông D có ý kiến thống nhất giao cháu Vũ Thành A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông D hiện nay có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất giữa bà T và ông D, giải quyết giao cháu Vũ Thành A cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông D đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mai T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mai T được ly hôn với ông Vũ Đình D.

1.2. Về con chung: Giáo cháu Vũ Thành A, sinh ngày 05/10/2021 cho ông Vũ Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà Trần

Thị Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Mai T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025157 ngày 06/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Bà Trần Thị Mai T và ông Vũ Đình D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Tuyền